

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

**MỤC LỤC**

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2009	13 - 30

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đạt Phương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000857 ngày 12 tháng 03 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ nhất ngày 06/05/2002 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ là 10 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ hai ngày 25/06/2002 về việc điều chỉnh vốn điều lệ xuống còn 2,2 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ ba ngày 01/03/2004 về việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ lên 5 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ tư ngày 07/06/2004 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ năm ngày 27/09/2005 về việc tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ sáu ngày 16/04/2007 về việc tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ đồng.

**Vốn điều lệ : 36.000.000.000 VND (ba mươi sáu tỷ đồng).**

#### ***Trụ sở hoạt động***

Địa chỉ : Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 04 37830856 Fax : 04 37830859  
E-mail : datphuong@vnn.vn  
Mã số thuế : 0101218757

#### ***Ngành nghề kinh doanh:***

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Vận tải hàng hóa;
- Đại lý, buôn bán vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị;
- Sản xuất cấu kiện thép, bê tông cốt thép, bê tông nhựa;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, sản xuất vật liệu xây dựng.

#### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm 2009, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ 5.247.940.000 VND bằng việc phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với số tiền là: 2.316.380.000 VND, tương đương 231.638 cổ phần, chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 2.691.560.000 VND, tương đương 269.156 cổ phần, bán thu bằng tiền mặt 240.000.000 VND, tương đương 24.000 cổ phần và thặng dư cổ phần là 60.000.000 VND.

**Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>	<b><u>Ngày bổ nhiệm</u></b>	<b><u>Ngày miễn nhiệm</u></b>
Ông Lương Minh Tuấn	Chủ tịch	14 tháng 02 năm 2004	
Ông Phạm Văn Đích	Ủy viên	14 tháng 02 năm 2004	
Bà Trần Thị Hà	Ủy viên	14 tháng 02 năm 2004	18 tháng 04 năm 2009
Bà Lương Thị Thanh	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2009	
Ông Trần Anh Tuấn	Ủy viên	25 tháng 01 năm 2006	
Ông Phạm Kim Châu	Ủy viên	25 tháng 01 năm 2006	

**Ban Kiểm soát**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>	<b><u>Ngày bổ nhiệm</u></b>
Ông Đinh Gia Nội	Trưởng ban	10 tháng 02 năm 2007
Ông Nguyễn Thế Chính	Thành viên	10 tháng 02 năm 2007
Ông Trần Xuân Đức	Thành viên	10 tháng 02 năm 2007

**Ban Tổng Giám đốc**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>	<b><u>Ngày bổ nhiệm</u></b>
Ông Lương Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2004
Ông Phạm Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 08 năm 2004
Ông Lê Ngọc Hào	Phó Tổng Giám đốc	13 tháng 12 năm 2006

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tính hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

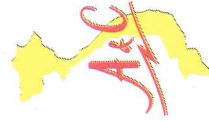
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Lương Minh Tuấn**

Ngày 24 tháng 03 năm 2010



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.auditconsult.com.vn

Headquarters  
Branch in Hanoi  
Branch in Nha Trang-Khánh Hòa  
Branch in Can Tho

- Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300  
- Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869  
- Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327  
- Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 152/2010/BCTC-KTTV-KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Đạt Phương gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2010, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đạt Phương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám-đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hồng Thanh

Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053/KTV

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2010



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6 lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

		Đơn vị tính: VND		
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>132.407.258.979</b>	<b>118.984.505.387</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.861.605.693</b>	<b>17.304.476.568</b>
1. Tiền	111		8.861.605.693	17.304.476.568
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>67.818.293.418</b>	<b>63.415.577.641</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	66.547.022.374	60.140.130.184
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	998.026.898	3.042.622.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	273.244.146	232.825.457
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23.963.536.963</b>	<b>25.378.701.136</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	23.963.536.963	25.378.701.136
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.763.822.905</b>	<b>12.885.750.042</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	31.763.822.905	12.885.750.042





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6 lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>82.745.209.764</b>	<b>46.800.766.521</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>44.747.000.749</b>	<b>25.759.278.112</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.7	44.745.267.422	25.753.384.785
<i>Nguyên giá</i>		222		65.399.090.132	39.326.963.150
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(20.653.822.710)	(13.573.578.365)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.8	1.733.327	5.893.327
<i>Nguyên giá</i>		228		23.480.000	23.480.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(21.746.673)	(17.586.673)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>250</b>		<b>27.805.465.058</b>	<b>13.310.465.058</b>
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.9	14.495.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.10	13.310.465.058	13.310.465.058
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260</b>		<b>10.192.743.957</b>	<b>7.731.023.351</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.11	10.162.743.957	7.716.583.751
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.12	30.000.000	14.439.600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>215.152.468.743</b>	<b>165.785.271.908</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6 lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

#### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>					
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>					
1.	Vay và nợ ngắn hạn	310		153.314.310.708	133.511.439.001
2.	Phải trả người bán	311	V.13	128.881.956.908	125.743.639.001
3.	Người mua trả tiền trước	312	V.14	58.236.430.200	42.455.874.942
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.878.869.010	18.383.818.775
5.	Phải trả người lao động	314	V.16	11.558.618.343	43.491.907.164
6.	Chi phí phải trả	315	V.17	16.348.279.043	7.611.543.633
7.	Phải trả nội bộ	316	V.17	14.881.408.574	7.544.470.974
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	11.897.214	19.168.096
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	-	-	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	319	V.18	901.596.986	6.152.976.533
		320	V.19	11.064.857.538	83.878.884
<b>II. Nợ dài hạn</b>					
1.	Phải trả dài hạn người bán	330		24.432.353.800	7.767.800.000
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	331	-	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	332	-	-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	333	V.20	3.565.300.000	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	334	V.21	20.867.053.800	7.767.800.000
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	335	-	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	336	-	-	-
		337	-	-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>					
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>					
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400		61.838.158.035	32.273.832.907
2.	Thặng dư vốn cổ phần	410	V.22	59.662.271.186	31.629.683.858
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	411		30.288.220.000	25.040.280.000
4.	Cổ phiếu quỹ	412		60.000.000	2.316.380.000
5.	Chênh lệch đánh giá tài sản	413	-	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	414	-	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	415	-	-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	416	(46.384.373)		
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	417	2.127.469.579		1.010.408.488
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418	2.379.198.629		869.411.254
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419	-	-	-
		420	24.853.767.351		2.363.204.116
		421	-	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>					
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		2.175.886.849	644.149.049
2.	Nguồn kinh phí	431	V.23	2.175.886.849	644.149.049
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-	-
		433	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>					<b>165.785.271.908</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6 lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuế ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)	-	-	-
Euro (EUR)	-	-	-
Dollar Singapore (SGD)	-	-	-
Yên Nhật (¥)	-	-	-
Dollar Úc (AUD)	-	-	-
Bảng Anh (£)	-	-	-
Dollar Canada (CAD)	-	-	-
...	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Vũ Văn Phi

Tổng Giám đốc



Lương Minh Tuấn



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6 lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	230.331.374.072	169.502.349.734
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		230.331.374.072	169.502.349.734
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	177.418.224.373	145.460.750.231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.913.149.699	24.041.599.503
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	103.965.854	300.465.164
7. Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay	22 23	VI.4	4.847.723.646 4.834.750.891	6.491.460.182 6.459.103.122
8. Chi phí bán hàng	24	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7.617.133.965	5.011.795.780
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.552.257.942	12.838.808.705
11. Thu nhập khác	31	VI.6	552.601.939	823.255.720
12. Chi phí khác	32	VI.7	505.326.391	273.986.461
13. Lợi nhuận khác	40		47.275.548	549.269.259
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.599.533.490	13.388.077.964
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	10.403.785.989	4.315.770.197
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.195.747.501	9.072.307.767
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	10.003	3.115

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Thu

Vũ Văn Phi

Lương Minh Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6 lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

	Mã Thuyết số	Năm nay		Năm trước
<b>CHỈ TIÊU</b>				
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>40.599.533.490</b>	<b>13.205.223.564</b>	
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.114.990.995	5.146.891.911	
- Các khoản dự phòng	03	-	-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(9.370.014)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(201.489.862)	
- Chi phí lãi vay	06	4.834.750.891	6.459.103.122	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>53.549.275.376</b>	<b>24.600.358.721</b>	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(33.002.665.116)	(44.396.066.360)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.415.164.173	(14.260.576.673)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.137.823.506)	55.954.363.781	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.446.160.206)	(4.558.471.770)	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.789.665.576)	(6.455.647.568)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.865.879.023)	(2.671.415.252)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(913.922.000)	(460.460.000)	
	<b>20</b>	<b>8.808.324.122</b>	<b>7.752.084.879</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>8.808.324.122</b>	<b>7.752.084.879</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(28.381.007.518)	(14.567.731.941)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	550.000.000	92.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.495.000.000)	(5.281.465.058)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	224.464.800	
	<b>30</b>	<b>(42.326.007.518)</b>	<b>(19.532.732.199)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(42.326.007.518)</b>	<b>(19.532.732.199)</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6 lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU		Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.22	300.000.000	3.034.970.000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		115.630.182.056	107.157.837.824
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(90.854.253.535)	(78.699.062.838)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(1.116.000)	(7.014.350.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>25.074.812.521</b>	<b>24.479.394.986</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(8.442.870.875)</b>	<b>12.698.747.666</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>17.304.476.568</b>	<b>4.605.728.902</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>8.861.605.693</b>	<b>17.304.476.568</b>

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Vũ Văn Phi

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2010



Lương Minh Tuấn



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
  - Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
  - Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
  - Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng;

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 08 của Công ty.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam .

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy tính

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô-6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm của từng công trình được xác định như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	=	Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ	X	Giá trị sản lượng đã thực hiện nhưng chưa được xác nhận
Trong đó:				
Giá trị sản lượng đã thực hiện nhưng chưa được xác nhận	=	Doanh thu phát sinh trong kỳ + Giá trị sản lượng đã thực hiện nhưng chưa được xác nhận	X	Đơn giá dự thầu

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5-7
Phương tiện vận tải	6-7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3-7
TSCĐ khác	3-4

#### 6. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Ván khuôn, giàn giáo thi công*

Ván khuôn, giàn giáo thi công đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí công trình trong kỳ theo thời gian sử dụng ước tính cho công trình đó với tổng thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 7. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### 8. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính bằng cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Chi phí bảo hành công trình xây lắp*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu ghi nhận trong năm.

#### 9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu có mệnh giá cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### **11. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### **12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009: 17.941 VND/USD  
31/12/2008: 16.977 VND/USD

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### **14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	112.516.243	21.072.391
Tiền gửi ngân hàng	8.749.089.450	17.283.404.177
<b>Cộng</b>	<b>8.861.605.693</b>	<b>17.304.476.568</b>

#### 2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
BQL các DAĐT và XD CN GTVT Gia lai - QL19	1.537.689.637	-
BQL DA 6	4.916.204.719	-
BQL DA Thủy điện 3	2.389.112.000	2.610.190.271
BQL DA Đường bộ 4	8.276.347.000	-
Tổng Công ty Cổ phần ĐTVT - Xây dựng	11.478.591.763	23.379.208.000
Công ty Cổ phần B.O.T đường tránh Thanh Hóa	9.140.128.906	12.269.797.551
Công ty Cổ phần Hà Đô - Công trình Buôn Tua Srah	1.361.343.964	1.361.343.964
Công ty Cổ phần Hà Đô - Công trình An Khê Kanak	1.070.385.039	1.070.385.039
Công ty Cổ phần Hà Đô - Công trình Huội Quảng	1.764.354.623	3.084.077.363
Công ty Cổ phần Sông Bung	2.934.730.437	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Việt Hưng	1.264.679.465	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	1.130.678.479	1.130.678.479
Khu quản lý giao thông đô thị số 4	9.290.887.000	-
Khu quản lý đường bộ V	3.669.000.000	-
Tổng Công ty Xây dựng số 1	2.988.195.530	1.846.239.022
Công ty Cổ phần Za Hưng	-	1.949.576.463
Phân ban quản lý dự án Yên Bái (PPMU Yên Bái)	301.074.048	7.909.892.447
Các đối tượng khác	3.033.619.764	3.528.741.585
<b>Cộng</b>	<b>66.547.022.374</b>	<b>60.140.130.184</b>

#### 3. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư Phúc Thanh	200.000.000	2.000.000.000
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Trung Trung Bộ	162.968.921	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ	150.000.000	-
Công ty TNHH TM XD Đông Bắc	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Máy thuật và HĐTT Việt Giao	-	150.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Trí Thành	-	200.000.000
Công ty TNHH khoan Bắc Đuống	-	200.000.000
Điện lực Yên Bái	-	200.000.000
Các đối tượng khác	385.057.977	292.622.000
<b>Cộng</b>	<b>998.026.898</b>	<b>3.042.622.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phan Thanh Tú	193.534.147	193.534.147
Nguyễn Hữu Chinh	30.000.000	30.000.000
Thuế TNCN phải thu CBCNV	4.843.672	5.746.140
BHXH, YT phải thu CBCNV	44.866.327	3.545.170
<b>Cộng</b>	<b>273.244.146</b>	<b>232.825.457</b>

#### 5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	285.299.307
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.963.536.963	25.093.401.829
<b>Cộng</b>	<b>23.963.536.963</b>	<b>25.378.701.136</b>

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Huội Quảng	2.832.929.664	2.575.517.997
Công trình Thủy điện An Khê - Kanat	1.488.742.773	106.372.723
Công trình Cầu Thủ Thiêm	637.489.337	555.169.208
Công trình Cầu Đại Phước	935.916.352	5.413.623.057
Công trình Quốc lộ 1A - gói 1	2.705.624.378	1.551.337.346
Công trình Quốc lộ 1A - gói 9	1.432.095.664	1.550.594.972
Công trình Bến cập tàu du lịch Đại Phước	2.914.099.662	2.222.161.521
Công trình Cầu Ngòi Phà	845.511.092	109.707.560
Công trình Cầu Trại Hút	2.051.093.941	2.036.887.499
Công trình Quốc lộ 32 - Lai Châu	2.018.652.819	174.301.427
Công trình Cầu An Nghĩa	517.848.452	-
Công trình Cầu Đồng Nai	1.471.034.518	-
Công trình Cầu Konbrai	1.732.986.809	-
Công trình Cầu Rạch Tàu Hậu, Kênh Ngang	1.186.272.414	-
Công trình Thủy điện Sông Bung 6	-	1.703.017.523
Công trình Cầu Đông Hải	-	2.170.292.033
Các công trình khác	1.193.239.090	4.363.819.295
<b>Cộng</b>	<b>23.963.536.963</b>	<b>25.093.401.829</b>

#### 6. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng cho Cán bộ công nhân viên Công ty



**7. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng TSCĐ
Nguyên giá	-	30.692.372.738	7.246.588.060	646.264.239	741.738.113	39.326.963.150
Tàng do mua sắm mới		20.857.471.868	6.837.285.431	207.425.169		27.902.182.468
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	478.825.050					478.825.050
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(932.380.952)	(585.470.000)	(780.226.857)	(10.802.727)		(1.517.850.952)
Giảm do mang đi góp vốn						(791.029.584)
Số cuối năm	478.825.050	50.617.463.654	12.718.176.634	842.886.681	741.738.113	65.399.090.132
Giá trị hao mòn		9.260.261.188	3.084.884.083	500.056.556	728.376.538	13.573.578.365
Số đầu năm		6.574.566.912	1.334.883.439	188.019.069	13.361.575	8.110.830.995
Khấu hao tăng trong năm		2.685.694.276	1.749.990.644	311.937.487	396.804.963	4.743.427.370
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(494.491.515)	(536.095.135)				(1.030.586.650)
Số cuối năm	-	15.340.336.585	3.883.672.387	688.075.625	741.738.113	20.653.822.710
Giá trị còn lại	-	21.432.111.550	4.161.703.977	146.207.683	13.361.575	25.753.384.785
Số đầu năm		2.167.845.263	1.332.819.538	146.207.683		3.646.872.494
Số cuối năm	478.825.050	35.277.127.069	8.834.504.247	154.811.056	-	44.745.267.422

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng : 4.092.576.145 VND

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 18.344.285.763 VND và 17.183.301.719 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.480.000	17.586.673	5.893.327
Khấu hao tăng trong năm	-	4.160.000	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.480.000</b>	<b>21.746.673</b>	<b>1.733.327</b>

#### 9. Đầu tư vào công ty con

##### Tỷ lệ lợi ích

Tên công ty con	Theo giấy phép	Thực tế	Vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Sông Bung	51%	65,75%	14.495.000.000

#### 10. Đầu tư dài hạn khác

Góp vốn vào công ty Cổ phần Za Hung <i>Trong đó:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vốn của Công ty</i>	9.000.000.000	9.000.000.000
<i>Vốn huy động của Ông Nguyễn Trung Hiếu (*)</i>	6.500.000.000	6.500.000.000
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Gia Lai	2.500.000.000	2.500.000.000
	2.710.465.058	2.710.465.058
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai <i>Trong đó:</i>	1.600.000.000	1.600.000.000
<i>Vốn của Công ty</i>	534.700.000	534.700.000
<i>Vốn huy động của cán bộ công nhân viên (*)</i>	1.065.300.000	1.065.300.000
<b>Cộng</b>	<b>13.310.465.058</b>	<b>13.310.465.058</b>

(\*) Xem thêm thuyết minh số V.20

#### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Kết chuyển vào chi phí SXXD trong năm		Kết chuyển giảm khác (*)	
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm	Số cuối năm
Ván khuôn đã giao thi công	6.956.790.738	120.288.100	166.965.537	6.910.113.302
CCDC sản xuất	427.310.065	8.452.355.988	5.978.922.200	228.207.231
CCDC quản lý	146.579.707	377.353.205	269.159.250	254.773.662
Bảo hiểm ô tô, MMTB	14.123.431	195.963.909	93.720.113	116.367.227
Sửa chữa thiết bị thi công	171.779.809	311.185.407	274.012.073	208.953.144
<b>Cộng</b>	<b>7.716.583.751</b>	<b>9.457.146.609</b>	<b>6.782.779.173</b>	<b>10.162.743.957</b>

(\*) kết chuyển vào chi phí gia công xe đúc dầm

#### 12. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>56.747.021.857</b>	<b>38.400.666.136</b>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long	56.747.021.857	38.400.666.136
Vay các cá nhân	1.489.408.343	746.008.806
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	<b>3.309.200.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>58.236.430.200</b>	<b>42.455.874.942</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

	Số tiền vay	Tăng do lãi	Số tiền vay đã
	phát sinh trong	nhập gốc và	trả trong năm
	<u>năm</u>	<u>CLTG</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>39.146.674.942</b>	<b>105.807.353.256</b>	<b>98.580.537</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	38.400.666.136	103.448.353.256	85.101.997.535
Vay ngắn hạn các cá nhân	746.008.806	2.359.000.000	1.714.181.000
<i>Vay dài hạn</i>	<b>3.309.200.000</b>	-	<b>3.309.200.000</b>
<i>đến hạn trả</i>	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.455.874.942</b>	<b>105.807.353.256</b>	<b>98.580.537</b>

#### 14. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kim khí miền Trung	555.177.451	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Hiếu	545.133.291	545.133.291
Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng 379	2.216.846.398	1.097.019.612
Công ty Cổ phần TM&TV Tân Cơ	1.950.267.543	6.121.622.774
Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Minh	101.551.000	-
Công ty Cổ phần ĐT và KD thép Nhân Luật	1.923.472.910	-
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	2.290.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Thành	142.770.000	-
Công ty TNHH Khoan Bắc Đổng	418.200.000	-
Công ty TNHH Kim khí Đông Phương	114.048.000	2.141.865.060
Công ty TNHH SX và TM Vinasan	553.714.340	-
Công ty TNHH Thảo Nhiên	440.000.000	-
Công ty TNHH TM DV VT Tân Hồng Lộc	201.600.000	-
Công ty TNHH Trường Sáng	1.733.716.656	-
Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng 23	167.903.795	806.903.795
Công ty TNHH Xây lắp điện Hoàng Linh	287.232.000	-
Công ty Xây dựng Vinh Phương	116.710.341	-
DNTN Tân Tiến	111.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Đức Hà	265.831.704	2.201.515.157
Ông Đình Văn Sơn	118.020.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng và thương mại HPT	-	427.288.427
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển xây dựng 18	14.832.012	514.832.012
Công ty TNHH một thành viên XD cầu đường 18.6	100.000.000	645.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Tân Xuân Anh	36.730.200	1.110.765.200
Các đối tượng khác	1.474.111.369	2.771.873.447
<b>Cộng</b>	<b>15.878.869.010</b>	<b>18.383.818.775</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Người mua trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
BQL DA 1 (PMU1)	2.747.777.400	-
BQL DA Công trình giao thông Yên Bái	1.007.933.700	3.500.000.000
BQL DA Đường Hồ Chí Minh	3.576.000.000	-
Công ty TNHH JeongSan Vina	4.088.000.000	2.336.000.000
BQL các DA ĐT và XD CN GTVT Gia lai - QL19		4.649.916.906
BQL DA 6		12.587.591.158
Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái		19.999.999.100
Tổng Công ty Xây dựng số 1		372.000.000
Các đối tượng khác	138.907.243	46.400.000
<b>Cộng</b>	<b>11.558.618.343</b>	<b>43.491.907.164</b>

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.502.521.795	8.975.690.293	7.148.093.676	5.330.118.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.865.879.023	10.403.785.989	3.865.879.023	10.403.785.989
Thuế thu nhập cá nhân	105.997.215	612.374.642	105.997.215	612.374.642
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	137.145.600	2.000.000	137.145.600	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.611.543.633</b>	<b>19.996.850.924</b>	<b>11.260.115.514</b>	<b>16.348.279.043</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT 10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.11

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.599.533.490	13.388.077.964
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	707.707.334	2.025.387.026
- Các khoản điều chỉnh tăng	707.707.334	2.259.221.840
- Chi phí lãi vay vượt mức không chế theo quy định	602.369.518	1.993.948.832
Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	81.967.802	52.363.632
Phạt vi phạm hành chính về thuế	2.000.000	24.274.702
Các khoản chi không liên quan đến doanh thu	12.000.000	20.000.000
Chi phí không hợp lý hợp lệ		149.145.600
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2007	-	19.489.074
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2008	9.370.014	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(233.834.814)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2008	-	(9.370.014)
Cổ tức	-	(224.464.800)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng thu nhập chịu thuế	41.307.240.824	15.413.464.990
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>10.326.810.205</b>	<b>4.315.770.197</b>
<b>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</b>	<b>76.975.784</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.403.785.989</b>	<b>4.315.770.197</b>

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành của Nhà nước Việt Nam

#### 17. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả đối với các khoản vay cá nhân

#### 18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.768.027
BHXH, BHYT, KPCĐ	229.508.503	155.846.603
Tiền góp vốn của ông Nguyễn Trung Hiếu (*)	-	2.500.000.000
Phải trả ông Nguyễn Xuân Hoat tiền mua ô tô	190.000.000	190.000.000
Phải trả ông Phạm Anh Tuấn tiền mua ô tô	250.000.000	250.000.000
Tiền góp vốn của CBCNV (*)	-	1.065.300.000
Phải trả các cá nhân về tiền thuế TNCN thu thừa	55.988.884	-
Phải trả về đoàn phí công đoàn	44.146.063	32.682.773
Phải trả khác	131.953.536	1.957.379.130
<b>Cộng</b>	<b>901.596.986</b>	<b>6.152.976.533</b>

(\*) Xem thêm thuyết minh số V.20

#### 19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí bảo hành các công trình xây lắp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Cầu dẫn số 5 Bãi Cháy (*)	63.286.884	63.286.884
Công trình Cầu C1 km0+235 tỉnh lộ 662 (*)	20.592.000	20.592.000
Công trình Cầu Đông Hải	1.298.850.272	-
Công trình Quốc lộ 32	550.874.990	-
Công trình Cầu Đại Phước	1.202.190.171	-
Công trình QL19	673.009.388	-
Công trình QL1A gói 9	1.835.293.917	-
Công trình Cầu Trái Hút	2.292.251.739	-
Công trình Cầu Ngòi Phà	235.233.409	-
Công trình Cầu Đông Nai	430.633.430	-
Công trình Cầu An Nghĩa	1.216.572.727	-
Công trình Đường Sông Bung	239.461.929	-
Công trình Cầu tạm Konbrai	376.197.591	-
Công trình Cầu Bà Rén	630.409.091	-
<b>Cộng</b>	<b>11.064.857.538</b>	<b>83.878.884</b>

(\*) Là chi phí bảo hành các công trình thực hiện từ năm 2005 nhưng chưa được chủ đầu tư cấp giấy chứng nhận hết hạn bảo hành



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 20. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm
Tiền góp vốn của ông Nguyễn Trung Hiếu (*)	2.500.000.000
Tiền góp vốn của CBCNV (**)	1.065.300.000
<b>Cộng</b>	<b>3.565.300.000</b>

(\*) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà máy Thủy điện ZaHưng tại huyện Đông Giang tỉnh Quảng Nam.

(\*\*) Là khoản góp vốn của Cán bộ công nhân viên công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đông Nai.

#### 21. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long <sup>(a)</sup>	20.867.053.800	7.767.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín <sup>(b)</sup>	17.528.653.800	6.273.100.000
Ngân hàng TMCP Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh <sup>(c)</sup>	17.000.000	32.800.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội <sup>(d)</sup>	215.900.000	215.900.000
<b>Cộng</b>	<b>3.105.500.000</b>	<b>1.246.000.000</b>
	<b>20.867.053.800</b>	<b>7.767.800.000</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,95% tháng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín để mua xe ô tô với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 1,2% tháng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh để mua xe ô tô với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 1,1% tháng.

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội bao gồm:

- Khoản vay để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 1,6%/tháng.

- Khoản vay để mua sắm xe ô tô với thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 0,875%/tháng.

- Khoản vay để mua sắm xe ô tô với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0,875%/tháng.

Các khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

Ngân hàng	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm	Trong đó số đến hạn trả trong năm 2010
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>7.767.800.000</b>	<b>13.828.128.800</b>	<b>728.875.000</b>	<b>20.867.053.800</b>	<b>6.392.700.000</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long	6.273.100.000	11.668.128.800	412.575.000	17.528.653.800	4.717.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	32.800.000	-	15.800.000	17.000.000	17.000.000
Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh	215.900.000	-	-	215.900.000	215.900.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.246.000.000	2.160.000.000	300.500.000	3.105.500.000	1.442.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.767.800.000</b>	<b>13.828.128.800</b>	<b>728.875.000</b>	<b>20.867.053.800</b>	<b>6.392.700.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẤT PHƯƠNG**  
Địa chỉ: Số 6 lô 12A Trung Hòa, Trung Yên, Cầu Giấy

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu
hết năm trước	hết năm trước	hết năm trước	hết năm trước	hết năm trước	hết năm trước	hết năm trước	hết năm trước
20.072.940.000	20.072.940.000	1.840.000.000	1.840.000.000	476.380.000	2.558.590.000	2.558.590.000	2.558.590.000
Tăng vốn trong năm	Tăng vốn trong năm	Tăng vốn trong năm	Tăng vốn trong năm	Tăng vốn trong năm	Tăng vốn trong năm	Tăng vốn trong năm	Tăng vốn trong năm
Trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	Trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	Trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	Trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	Trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	Trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	Trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	Trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2007
Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền
Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu
2.408.750.000	2.408.750.000	2.408.750.000	2.408.750.000	2.408.750.000	2.408.750.000	2.408.750.000	2.408.750.000
Lợi nhuận tăng trong năm 2008	Lợi nhuận tăng trong năm 2008	Lợi nhuận tăng trong năm 2008	Lợi nhuận tăng trong năm 2008	Lợi nhuận tăng trong năm 2008	Lợi nhuận tăng trong năm 2008	Lợi nhuận tăng trong năm 2008	Lợi nhuận tăng trong năm 2008
Tạm trích quỹ năm 2008	Tạm trích quỹ năm 2008	Tạm trích quỹ năm 2008	Tạm trích quỹ năm 2008	Tạm trích quỹ năm 2008	Tạm trích quỹ năm 2008	Tạm trích quỹ năm 2008	Tạm trích quỹ năm 2008
Tạm ứng cổ tức năm 2008	Tạm ứng cổ tức năm 2008	Tạm ứng cổ tức năm 2008	Tạm ứng cổ tức năm 2008	Tạm ứng cổ tức năm 2008	Tạm ứng cổ tức năm 2008	Tạm ứng cổ tức năm 2008	Tạm ứng cổ tức năm 2008
25.040.280.000	25.040.280.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000
Số đầu năm nay	Số đầu năm nay	Số đầu năm nay	Số đầu năm nay	Số đầu năm nay	Số đầu năm nay	Số đầu năm nay	Số đầu năm nay
25.040.280.000	25.040.280.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000
Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu	Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu
2.691.560.000	2.691.560.000	2.691.560.000	2.691.560.000	2.691.560.000	2.691.560.000	2.691.560.000	2.691.560.000
Tăng vốn trong năm từ thành dư vốn cổ phần	Tăng vốn trong năm từ thành dư vốn cổ phần	Tăng vốn trong năm từ thành dư vốn cổ phần	Tăng vốn trong năm từ thành dư vốn cổ phần	Tăng vốn trong năm từ thành dư vốn cổ phần	Tăng vốn trong năm từ thành dư vốn cổ phần	Tăng vốn trong năm từ thành dư vốn cổ phần	Tăng vốn trong năm từ thành dư vốn cổ phần
2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000	2.316.380.000
Góp vốn bằng tiền	Góp vốn bằng tiền	Góp vốn bằng tiền	Góp vốn bằng tiền	Góp vốn bằng tiền	Góp vốn bằng tiền	Góp vốn bằng tiền	Góp vốn bằng tiền
240.000.000	240.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
Giảm quỹ DTPT năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Giảm quỹ DTPT năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Giảm quỹ DTPT năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Giảm quỹ DTPT năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Giảm quỹ DTPT năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Giảm quỹ DTPT năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Giảm quỹ DTPT năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Giảm quỹ DTPT năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
(422.726.284)	(422.726.284)	(422.726.284)	(422.726.284)	(422.726.284)	(422.726.284)	(422.726.284)	(422.726.284)
Lợi nhuận trong năm nay	Lợi nhuận trong năm nay	Lợi nhuận trong năm nay	Lợi nhuận trong năm nay	Lợi nhuận trong năm nay	Lợi nhuận trong năm nay	Lợi nhuận trong năm nay	Lợi nhuận trong năm nay
30.195.747.501	30.195.747.501	1.509.787.375	1.509.787.375	1.509.787.375	1.509.787.375	1.509.787.375	1.509.787.375
Trích lập các quỹ trong năm nay	Trích lập các quỹ trong năm nay	Trích lập các quỹ trong năm nay	Trích lập các quỹ trong năm nay	Trích lập các quỹ trong năm nay	Trích lập các quỹ trong năm nay	Trích lập các quỹ trong năm nay	Trích lập các quỹ trong năm nay
(2.415.659.800)	(2.415.659.800)	(2.415.659.800)	(2.415.659.800)	(2.415.659.800)	(2.415.659.800)	(2.415.659.800)	(2.415.659.800)
Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền
(1.000.000)	(1.000.000)	(1.000.000)	(1.000.000)	(1.000.000)	(1.000.000)	(1.000.000)	(1.000.000)
Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền	Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền
(116.000)	(116.000)	(116.000)	(116.000)	(116.000)	(116.000)	(116.000)	(116.000)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm
(46.384.373)	(46.384.373)	(46.384.373)	(46.384.373)	(46.384.373)	(46.384.373)	(46.384.373)	(46.384.373)
Số dư cuối năm nay	Số dư cuối năm nay	Số dư cuối năm nay	Số dư cuối năm nay	Số dư cuối năm nay	Số dư cuối năm nay	Số dư cuối năm nay	Số dư cuối năm nay
30.288.220.000	30.288.220.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Số 6 lô 12A Trung Hòa, Trung Yên, Cầu Giấy

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	30.288.220.000	25.040.280.000
<b>Vốn điều lệ còn phải đầu tư</b>	<b>5.711.780.000</b>	<b>10.959.720.000</b>

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	30.288.220.000	25.040.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.000.000	2.316.380.000
<b>Cộng</b>	<b>30.348.220.000</b>	<b>27.356.660.000</b>

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay
Chia cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	5.007.940.000
Chia cổ tức năm 2007 bằng tiền	1.000.000
Chia cổ tức năm 2008 bằng tiền	116.000
<b>Cộng</b>	<b>5.009.056.000</b>

#### Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.028.822	2.504.028
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.028.822	2.504.028
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.028.822	3.028.822
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.028.822	2.504.028
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.028.822	2.504.028
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 23. Quỹ khen thưởng – phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	258.607.346	1.509.787.375	641.500.000	1.126.894.721
Quỹ phúc lợi	385.541.703	905.872.425	242.422.000	1.048.992.128
<b>Cộng</b>	<b>644.149.049</b>	<b>2.415.659.800</b>	<b>883.922.000</b>	<b>2.175.886.849</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>		
<i>Tổng doanh thu</i>	<u>230.331.374.072</u>	<u>169.502.349.734</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.636.364	62.115.369
Doanh thu hoạt động xây dựng	230.267.737.708	169.440.234.365
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>	-	-
Doanh thu thuần	<u>230.331.374.072</u>	<u>169.502.349.734</u>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	29.496.958	46.913.581
Giá vốn hoạt động xây dựng	177.388.727.415	145.413.836.650
<b>Cộng</b>	<u>177.418.224.373</u>	<u>145.460.750.231</u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
Cổ tức được chia	Năm nay	Năm trước
	103.965.854	66.630.350
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	224.464.800
<b>Cộng</b>	<u>103.965.854</u>	<u>300.465.164</u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp BHXH	4.834.750.891	6.459.103.122
Lãi chậm nộp theo biên bản cơ quan thuế	12.972.755	16.811.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.545.600
<b>Cộng</b>	<u>4.847.723.646</u>	<u>6.491.460.182</u>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu quản lý	3.673.205.109	2.473.254.759
Chi phí đồ dùng văn phòng	173.993.789	131.808.489
Chi phí khấu hao	309.909.445	146.928.049
Thuế, phí, lệ phí	443.260.962	294.124.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.000.000	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	2.254.336.772	1.658.776.541
<b>Cộng</b>	<u>759.427.888</u>	<u>303.903.409</u>
	<u>7.617.133.965</u>	<u>5.011.795.780</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	-	698.385.529
Tiền thu từ thanh lý vật tư	-	30.123.690
Tiền thu từ thanh lý tài sản	550.000.000	87.619.048
Thu khác	2.601.939	7.127.453
<b>Cộng</b>	<b>552.601.939</b>	<b>823.255.720</b>

#### 7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	487.264.302	110.593.986
Giá trị còn lại của tài sản bị lũ cuốn trôi	-	14.318.673
Tiền phạt nộp thuế theo quyết toán thuế năm 2007	-	24.274.702
Tiền phạt thuế nhà do đơn phương chấm dứt hợp đồng	14.439.600	-
Tiền phạt theo biên bản thuế	-	121.600.000
Chi phí khác	3.622.489	3.199.100
<b>Cộng</b>	<b>505.326.391</b>	<b>273.986.461</b>

#### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	30.195.747.501	9.072.307.767
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.195.747.501	9.072.307.767
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.018.762	2.912.827
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>10.003</b>	<b>3.115</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.504.028	2.007.294
Ảnh hưởng của chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2008	-	240.875
Ảnh hưởng của việc tăng vốn từ phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2009	231.638	231.638
Ảnh hưởng của chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2009	269.156	269.156
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong năm	13.940	163.864
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>3.018.762</b>	<b>2.912.827</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm 2009, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ không thu tiền mặt số tiền 5.007.940.000 VND, trong đó phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn cổ phần là 2.316.380.000 VND và chia cổ tức bằng cổ phiếu là 2.691.560.000 VND.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.058.615.008	849.179.458
Phụ cấp	38.011.432	35.570.000
Tiền thưởng	19.380.000	52.363.632
<b>Cộng</b>	<b>1.116.006.440</b>	<b>937.113.090</b>

### 2. Điều chỉnh số liệu năm trước

Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh giảm bổ sung cho phù hợp với Biên bản kiểm tra thuế tại cơ sở kinh doanh năm 2008 của Cục thuế thành phố Hà Nội số tiền là 89.600.000 VND.

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2008 đã trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2008 là 3.723 đồng. Do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư, chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2009 và điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên, chỉ tiêu này đã được xác định lại và trình bày trên cột số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh năm nay là 3.115 đồng (chi tiết xem thuyết minh VI.8)

Ảnh hưởng của các điều chỉnh nêu trên đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

<b>Bảng cân đối kế toán</b>		<b>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</b>		<b>Số liệu điều chỉnh lại</b>		<b>Chênh lệch</b>
	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</b>	<b>Số liệu điều chỉnh lại</b>			
<b>Bên tài sản</b>						
Tài sản ngắn hạn khác	158	12.681.807.068	12.885.750.042			203.942.974
<b>Bên Nguồn vốn</b>						
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	7.352.798.033	7.611.543.633			258.745.600
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.301.033.559	6.152.976.533			(148.057.026)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.269.949.716	2.363.204.116			93.254.400
<b>Cộng</b>						<b>203.942.974</b>

### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Giá vốn hàng bán	11	145.780.750.231	145.460.750.231			(320.000.000)
Chi phí tài chính	22	6.475.914.582	6.491.460.182			15.545.600
Chi phí khác	32	152.386.461	273.986.461			121.600.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.226.170.197	4.315.770.197			89.600.000
<b>Cộng</b>						<b>(93.254.400)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Ô 6, lô 12A, khu Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Thuê hoạt động

##### *Các hợp đồng đi thuê*

Công ty hiện đang thuê trụ sở làm việc dưới hình thức thuê hoạt động. Cụ thể:

Hợp đồng thuê văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực từ 06/07/2009 đến 06/07/2011 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê là 16.800.000 VND/tháng.

Hợp đồng thuê trụ sở làm việc tại Thành phố Hà Nội có hiệu lực từ 01/07/2005 đến 30/06/2010 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê là 17.400 USD/năm và kể từ năm thứ 3 có thể được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

#### 4. Thay đổi ước tính kế toán

Năm 2009, Công ty thực hiện trích dự phòng bảo hành công trình xây lắp với mức trích là 5% trên doanh thu ghi nhận trong năm. Việc trích dự phòng này đã làm cho giá vốn năm 2009 tăng thêm 10.980.978.654 VND.

#### 5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính (xem thuyết minh VIII.2).

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Vũ Văn Phi

Tổng Giám đốc



Lương Minh Tuấn

